

Bản án số: **40/2017/HSST**

Ngày: 11 - 7 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Duy Viễn

2. Bà Đặng Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2017/HHST, ngày 22 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lưu Văn T, sinh ngày 15/5/1994;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Sán Dìu; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lưu Sương B và bà Trương Thị B; có 05 anh, em ruột, bị cáo là thứ năm; vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2016 đến nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

2. Lưu Văn H, sinh ngày 01/9/1991;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 11/12; con ông Lưu Văn H và bà Hà Thị T; bị cáo là con duy nhất; vợ Phạm Thị Hồng N, có 01 con sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2016 đến nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

Người bị hại: Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn L, xã K, huyện Y tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngô Quang H1; Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt
2. Chị Lê Ngọc M; Trú Tại: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.
3. Anh Tạ Ngọc M1; Trú tại: Thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu nên Lưu Văn T nảy sinh ý định dùng thủ đoạn ghi hai tờ cáp đề với các cặp số giống nhau sau đó tìm người ghi số lô, số đề để mua và đưa cho họ một tờ cáp, còn một tờ T giữ; khi có kết quả xổ số thì điền thêm số trúng thưởng vào tờ cáp đề T giữ rồi đem đến trao đổi tờ cáp người chủ đề giữ để tạo ra việc trúng thưởng, lừa chủ đề lấy tiền. Sau đó, T nói với Trần Văn Th ở thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc và Lưu Văn H ở thôn V xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; hai người đồng ý, T bảo H tìm chỗ ghi đề. Trưa ngày 25/11/2016, T, H, Th đến nhà nghỉ Thành L ở thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thuê phòng nghỉ. Tại nhà nghỉ, T viết 02 tờ cáp đề, mỗi tờ ghi số lô xiên 2, xiên 3, xiên 4 giống nhau; tổng số tiền mỗi tờ cáp đề là 2.100.000đ nhưng ở tờ cáp đề thứ nhất T ghi 1 lô xiên 3 với số tiền 500.000đ, còn tờ cáp đề thứ hai T ghi 1 lô xiên 3 số tiền 100.000đ và để trống một dòng để khi có kết quả xổ số thì điền thêm 1 lô xiên 4 số tiền 400.000đ có kết quả trúng thưởng vào. Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 25/11/2016, T và H thuê xe taxi vào khu vực xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. H gọi điện cho Vũ Quang X ở xã K đưa T đi ghi số lô, số đề. X rủ thêm Hoàng Xuân H2 đi cùng. H2 đưa T đến nhà Nguyễn Hải N ở thôn L, xã K. Tại nhà N, T đặt vấn đề mua số lô, số đề với N rồi đưa cho N tờ cáp đề thứ nhất và số tiền 2.100.000đ rồi cùng H đi về nhà nghỉ Thành L.

Chiều tối cùng ngày, sau khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, T điền thêm lô xiên 4 gồm các số trúng thưởng với số tiền 400.000đ vào tờ cáp đề thứ hai rồi cùng Th vào nhà N. Tại nhà N, T bảo N cho xem tờ cáp đề buổi chiều T đã đưa để đối chiếu kết quả trúng thưởng, lợi dụng lúc N không để ý, T đã trao đổi hai tờ cáp đề với nhau và đưa cho N tờ cáp đề T đã ghi thêm số trúng thưởng. N đọc tờ cáp đề T đưa với kết quả xổ số thì thấy T trúng 400.000đ lô xiên 4, quy đổi theo tỷ lệ trúng thưởng gấp 80 lần là 32.000.000đ nhưng N nghi ngờ đó không phải là tờ cáp T đánh buổi chiều nên không trả tiền cho T. T và Th đi về nhà nghỉ, T rủ H cùng đi vào nhà N. T, H và Lê Ngọc M (bạn H) thuê xe taxi vào nhà N, T và H vào gặp N nói chuyện nhưng N không tiếp và đóng cửa lại nên H ra bảo M có quen ai thì nhờ đến lấy tiền trúng lô giúp T. M gọi điện cho Ngô Quang H1 ở tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S nói “em có thằng em trúng lô nhưng chủ lô không trả tiền, anh xem vào đây lấy tiền giúp nó”, H1 đồng ý (M và H1 không biết việc T, H đánh trao đổi tờ cáp đề để trúng thưởng). H1 rủ thêm Ninh Phước L, Chu T Ngh, Đỗ T A cùng ở thị trấn S, T A rủ thêm Nguyễn Công H3 ở xã P, huyện S đi cùng. Cả nhóm thuê xe ô tô 16 chỗ đến nhà N nhưng nhà N đóng cửa, tắt điện nên H1 bảo mọi người đi về.

Trưa ngày 26/11/2016, T, H, M thuê taxi đón H1 vào nhà N để đòi tiền (trước đó, do sợ nhóm của T đến nhà có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của mình và vợ con nên N đã đưa vợ con đi ở nơi khác tránh), thấy nhà N khóa cửa, H1 lấy số điện thoại ghi trên biển cắt tóc, H1 gọi cho N nhưng N không nghe, H1 nhắn tin cho N với nội dung “N à, mày nghe máy đi tao nói chuyện người lớn với mày, mày không nuốt trôi được đâu tao thề với mày đấy, ai cũng có vợ con cả, mày làm thì mày phải đàng hoàng, có gì nghe máy tao với mày nói chuyện, tao H1 thu S”. Sau đó, H1 gọi điện thì N nghe máy, N nói đi vắng mấy hôm nữa mới về nên cả bọn đi về.

Khoảng 22 giờ ngày 27/11/2016, H1 gọi điện cho N bảo ngày 28/11/2016 sẽ đến giải quyết dứt điểm việc trúng lô, N đồng ý, H1 gọi điện cho M thông báo cho T biết.

Chiều ngày 28/11/2016, T, H, M thuê xe taxi của Nguyễn Trọng Th1 ở xã B, L, Vĩnh phúc, còn H1, T A, H3 đi xe ô tô của Tạ Ngọc M1 ở xã K, huyện S đi vào nhà N. Đến nơi, H1, T vào nhà gặp N, những người còn lại ngồi ở xe, H1 nói với N nếu chứng minh được T không trúng lô thì không phải trả tiền, còn nếu T chứng minh được T trúng lô thì N phải trả tiền cho T. Mặc dù, biết T dùng thủ đoạn gian dối để lấy tiền của mình nhưng thấy nhóm của T đi hai xe ô tô đến, N sợ bị đánh nên đồng ý trả tiền cho T. Sau khi thỏa thuận, N phải trả cho T 25.000.000đ, do không đủ tiền, N trả trước cho T 15.000.000đ. T yêu cầu N viết giấy vay nợ T 25.000.000đ, đã trả 15.000.000đ, số tiền còn lại hẹn 10 ngày sẽ trả nốt. H cầm tiền rồi cùng T, H1 ra xe ô tô thì bị tổ công tác Công an tỉnh Tuyên Quang đến lập biên bản bắt quả tang.

Tổ công tác tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu xám đen; tạm giữ của H 14.900.000đ, 01 điện thoại Iphone 5s màu vàng, 01 điện thoại Nokia 1280; tạm giữ của Ngô Quang H1 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng, 01 điện thoại di động Nokia, 01 dao nhọn bằng kim loại (dạng gấp) dài 20 cm, 01 gói nilon có chứa các hạt màu trắng; tạm giữ của Lê Ngọc M 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, 01 điện thoại Nokia 1280; tạm giữ của Tạ Ngọc M1 01 điện thoại Iphone 6, 01 túi nilon có 02 cuộn giấy bạc, 01 cục bột màu trắng ngà, 02 cóong thủy tinh hình phễu dài 15 cm; tạm giữ của Đỗ T A 01 con dao nhọn dài 54 cm, 01 con dao bìa dài 41 cm, 01 đèn pin bằng kim loại dài 46 cm; tạm giữ của Nguyễn Hải N 01 điện thoại Nokia C2-01.

Tại kết luận giám định số 07/GĐ-KTHS Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: số chất bột màu trắng ngà thu giữ của Tạ Ngọc M1 là Methamphetamine, trọng lượng 0,032 gam.

Số chất tinh thể màu trắng thu giữ của Ngô Quang H1 là Methamphetamine, trọng lượng 0,343 gam.

Vật chứng: Ngày 07/12/2016, Cơ quan điều tra đã trả cho Nguyễn Hải N số tiền 14.900.000đ. Số vật chứng còn lại tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hải N đã nhận lại số tiền không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trước Cơ quan điều tra, Lưu Văn T và Lưu Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Ngoài ra, hành vi phạm tội của T, H còn được chứng minh bằng: Biên

bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Trần Văn Th, khi được T rủ cùng tham gia cách ghi số lô, số đề trúng thưởng Th đồng ý và đi cùng T vào nhà N tối 25/11/2016 nhưng sau đó Th đã tự ý bỏ về nhà nên hành vi của Th không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với H1, M, L, Ngh, T A, H3, X, H2, Th1 và M1 là những người đi cùng T, H vào nhà anh N nhưng không biết T tráo đổi cấp lô nhằm chiếm đoạt tiền của anh N nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Tạ Ngọc M1 và Ngô Quang H1, do trọng lượng ma túy tàng trữ chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với M1 và H1.

Đối với hành vi đánh bạc (bằng hình thức ghi số lô, đề) của Nguyễn Hải N, Lưu Văn T, Nguyễn Thế H4 do số tiền đánh bạc chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với T, N và H4.

Tại bản cáo trạng số 38/QĐ-KSĐT ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Lưu Văn T, Lưu Văn H về tội *Cưỡng đoạt tài sản* theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo T, H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu trên; các bị cáo khai rõ lúc đầu mục đích của các bị cáo sử dụng cấp lô để tráo đổi nhằm chiếm đoạt tiền của anh N nhưng bị anh N phát hiện nên không thanh toán tiền, các bị cáo đã nhờ bạn và một số người đến nhà N nhằm để anh N sợ mà đưa tiền cho các bị cáo; những người các bị cáo nhờ cùng vào nhà N đòi tiền giúp, họ không biết hai bị cáo dùng cấp lô giả để đòi tiền của anh N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 52; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt:

- Bị cáo Lưu Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 01/12/2016.

- Bị cáo Lưu Văn H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 01/12/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hải N đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật TTHS đề nghị Hội đồng xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo, người bị hại không tranh luận nội dung luận tội của Kiểm sát viên, hai bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, hai bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 28/11/2016, tại nhà ở của anh Nguyễn Hải N ở thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, Lưu Văn T, Lưu Văn H đã có hành vi yêu cầu anh N phải viết giấy vay nợ T số tiền 25.000.000đ. Vì lo sợ đến sức khỏe, tính mạng của mình và vợ con nên anh N đã đưa trước 14.900.000đ, số tiền còn lại 10.000.000đ T yêu cầu phải thanh toán trong 10 ngày. Do đó, có đủ căn cứ quy kết các bị cáo Lưu Văn T, Lưu Văn H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Điều 135 của Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự 1999.

Đánh giá tính chất vụ án: Do không có tiền chi tiêu, lúc đầu T, H chỉ có mục đích dùng thủ đoạn gian dối đánh tráo cắp lô để lừa anh N, yêu cầu anh N trả thưởng 32.000.000đ nhưng hành vi của T, H bị anh N phát hiện nên kiên quyết không trả thưởng theo yêu cầu. Do không lấy được tiền của anh N, các bị cáo đã nhờ nhiều người đến nhà N đòi tiền giúp nhằm làm cho anh N lo sợ mà phải thanh toán tiền theo yêu cầu là 25.000.000đ, thực tế anh N biết T không trúng số lô nhưng trước số đông người đến yêu cầu thanh toán tiền, vì lo sợ nên anh N buộc phải viết giấy nhận nợ 25.000.000đ và anh N đã phải đưa trước 14.900.000đ. Với diễn biến trên, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T và H đã chuyển hóa thành hành vi cưỡng đoạt tài sản. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, không những xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại mà còn làm tổn thất tinh thần của anh N và gây mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

Sau khi bị bắt các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại đoạn 1, đoạn 2 điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Về nhân thân, các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng phạm tội nghiêm trọng do lỗi cố ý nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” cho hai bị cáo.

Trong vụ án, xác định bị cáo T là người khởi xướng; bị cáo H là người gọi bạn đến cùng đi đòi tiền và tham gia tích cực hành vi phạm tội nên xử phạt hai bị cáo mức

án ngang bằng nhau và ở mức khởi điểm khung hình phạt đã phạm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

Về vật chứng:

- Cơ quan điều tra thu giữ tại chỗ số tiền 14.900.000đ là tiền các bị cáo vừa chiếm đoạt được của anh N. Số tiền này là của anh N nên ngày 07/12/2016, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã trả lại cho anh N là phù hợp.

- Các vật và đồ vật còn tạm giữ khác: tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu xám đen; tạm giữ của H 01 điện thoại Iphone 5s màu vàng, 01 điện thoại Nokia 1280; tạm giữ của Ngô Quang H1 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng, 01 điện thoại di động Nokia, 01 dao nhọn bằng kim loại (dạng gấp) dài 20 cm; tạm giữ của Lê Ngọc M 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng, 01 điện thoại Nokia 1280; tạm giữ của Tạ Ngọc M1 01 điện thoại Iphone 6; tạm giữ của Đỗ T A 01 con dao nhọn dài 54 cm, 01 con dao bìa dài 41 cm, 01 đèn pin bằng kim loại dài 46 cm; tạm giữ của Nguyễn Hải N 01 điện thoại Nokia C2-01.

Xét thấy, hai điện thoại Iphone của T và H đã sử dụng trong quá trình phạm tội nên tịch thu, sung quỹ nhà nước; các điện thoại của H1, M, M1, N và 01 điện thoại của H không liên quan đến hành vi phạm tội của hai bị cáo nên trả lại cho những người này; các đồ vật khác như dao không liên quan đến vụ án Cường đoạt tài sản nhưng là các đồ vật nguy hiểm, không có giá trị bằng tiền nên tịch thu, tiêu hủy.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại anh Nguyễn Hải N đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lưu Văn T, Lưu Văn H phạm tội “Cường đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt:

- **Lưu Văn T 01** (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt 01/12/2016.

- **Lưu Văn H 01** (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt 01/12/2016.

2. *Về vật chứng, đồ vật tạm giữ:* Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 5 màu xám đen; 01 điện thoại di động Iphone 5s màu vàng;

- Trả lại cho:

+ Bị cáo Lưu Văn H 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen;

+ Ngô Quang H1 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng và 01 điện thoại Nokia;

+ Lê Ngọc M 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng trắng và 01 điện thoại di động Nokia 1280;

+ Tạ Ngọc M1 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng trắng;

+ Người bị hại Nguyễn Hải N 01 điện thoại Nokia C2-01;
(các điện thoại kèm theo sim)

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 dao nhọn bằng kim loại (dạng gấp) dài 20 cm, 01 con dao nhọn dài 54 cm, 01 con dao bìa dài 41 cm, 01 đèn pin bằng kim loại dài 46 cm;

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang)

3. *Về án phí*: Các bị cáo Lưu Văn T, Lưu Văn H mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn (02 bản);
- Chi cục THADS h. Yên Sơn;
- Cơ quan CSĐTCA h. Yên Sơn;
- Người tham gia TT;
- Sở tư pháp TQ;
- Hồ sơ vụ án;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Oanh